

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**

TCCS 21:2022/PVCFC

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

Địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Thành Phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Điện thoại: 0290 38 19000

Fax: 0290 35 90501

Website: [www.pvcfc.com.vn](http://www.pvcfc.com.vn)

**CÔNG BỐ:**



Tên tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 21:2022/PVCFC**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: **NPK CÀ MAU 10-26-26**

Loại phân: Phân bón hỗn hợp NPK.

Đóng bao: 25 kg, 50 kg.

Mã số phân bón: 03147

Nhãn hiệu:	Thương hiệu:
	

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau cam kết sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Cà Mau, ngày      tháng      năm 2022

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**





# TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

## TCCS 21:2022/PVCFC

### NPK CÀ MAU 10-26-26

Lần soát xét: 01

*Cà Mau, ngày tháng năm 2022*



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

📍 Lô D, KCN Phường 1, Đ. Ngô Quyền, P. 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam  
☎ 0290 381 9000 📠 0290 359 0501 🌐 www.pvcfc.com.vn



## MỤC LỤC

1. Phạm vi áp dụng.....	3
2. Tài liệu tham khảo .....	3
3. Yêu cầu kỹ thuật .....	3
3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường .....	3
3.2. Yêu cầu về ngoại quan .....	3
3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng .....	3
3.4. Công dụng: .....	4
3.5. Hướng dẫn sử dụng .....	4
3.6. Phương thức sử dụng:.....	4
3.7. Bao gói, ghi nhãn.....	4
3.7.1. Bao gói .....	4
3.7.2. Ghi nhãn .....	4
3.8. Vận chuyển.....	4
3.9. Bảo quản.....	5
3.10. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: .....	5
3.11. Đơn vị sản xuất: .....	5
Phụ lục: .....	i



**LỜI MỞ ĐẦU**

TCCS 21:2022/PVCFC được xây dựng trên cơ sở tham khảo Thông tư số 11/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, Quyết định số 2802/QĐ-BVTV-PB ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Cục Bảo vệ Thực vật về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

TCCS 21:2022/PVCFC được soát xét lại từ TCCS 21:2018/PVCFC ban hành ngày 29/01/2018 theo Quyết định số 161/QĐ-PVCFC.

TCCS 21:2022/PVCFC được Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau công bố tại Quyết định số: ..... /QĐ-PVCFC ngày ..... tháng ..... năm 2022.



## 1. Phạm vi áp dụng

- Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm phân bón hỗn hợp NPK CÀ MAU 10-26-26, mã số phân bón: 03147 với nhãn hiệu NPK CÀ MAU - “Chất lượng đi đầu - Giá trị bền lâu”, do Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau sản xuất và kinh doanh với thương hiệu PHÂN BÓN CÀ MAU – “Hạt Ngọc Mùa Vàng”.

## 2. Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính Phủ về nhãn hàng hóa.
- Căn cứ Nghị định số: 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính Phủ quy định về quản lý phân bón.
- Thông tư số 11/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01-189: 2019/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón.
- Quyết định số 2802/QĐ-BVTV-PB ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Cục Bảo vệ Thực vật về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

## 3. Yêu cầu kỹ thuật

### 3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường

- Không gây nguy hiểm khi hít phải ở điều kiện bình thường, gây kích thích nhẹ đối với mắt.
- Để xa tầm tay trẻ em, rửa sạch tay sau khi sử dụng.

### 3.2. Yêu cầu về ngoại quan

- Hình dạng: dạng rắn (hạt/viên).

### 3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1.	Đạm tổng số ( $N_{ts}$ )	% KL	10	TCVN 5815:2018
2.	Lân hữu hiệu ( $P_2O_{5hh}$ )	% KL	26	TCVN 8559:2010 TCVN 5815:2018
3.	Kali hữu hiệu ( $K_2O_{hh}$ )	% KL	26	TCVN 8560:2018

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
4.	Độ ẩm	% KL	2,0	TCVN 9297:2012 TCVN 5815:2018

### 3.4. Công dụng:

- Tăng sinh trưởng, phát triển và hạn chế sâu bệnh.
- Tăng năng suất, chất lượng nông sản và lợi nhuận.
- Cải thiện độ phì nhiêu của đất.

### 3.5. Hướng dẫn sử dụng

Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:

- Mía: Giai đoạn vươn lóng bón 300-400 kg/ha/lần (4-5 tháng sau trồng)
- Cà phê: giai đoạn trái phát triển bón 500-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)
- Hồ tiêu: giai đoạn trái phát triển bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)
- Cây ăn trái: giai đoạn trái phát triển bón 300-600 g/lần/năm (3-4 lần/năm: sau đậu trái/trái phát triển bón 2-3 lần)
- Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng). Bón thúc 200-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần)

### 3.6. Phương thức sử dụng:

- Bón rải dạng hạt, dạng viên.

### 3.7. Bao gói, ghi nhãn

#### 3.7.1. Bao gói

- Sản phẩm phân bón hỗn hợp NPK CÀ MAU 10-26-26 được đóng gói bằng 2 lớp bao, lớp bên ngoài bằng vật liệu PP, lớp bên trong bằng vật liệu PE, đảm bảo giúp sản phẩm không bị hút ẩm và không bị rách, vỡ khi vận chuyển;
- Khối lượng tịnh: 25 kg, 50 kg.

#### 3.7.2. Ghi nhãn

- Nhãn được in trên bao bì, màu sắc chi tiết theo Phụ lục đính kèm

### 3.8. Vận chuyển

- Khi vận chuyển, phương tiện phải đảm bảo sạch sẽ, khô ráo và được che mưa nắng.
- Không sử dụng móc để bốc dỡ sản phẩm.



**3.9. Bảo quản**

- Bảo quản nơi thông thoáng, khô ráo, được che mưa nắng, không để trực tiếp lên sàn nhà ẩm ướt.

**3.10. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:**

- Hạn sử dụng (HSD): 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

**3.11. Đơn vị sản xuất:**

- Tên tổ chức sản xuất: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Địa chỉ: Lô D, Khu CN Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Sản xuất tại: Nhà máy Đạm Cà Mau - Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.



**Phụ lục:**  
**CHI TIẾT THIẾT KẾ BAO BÌ SẢN PHẨM**  
**PHÂN HỖN HỢP NPK CÀ MAU 10-26-26**

(Đính kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 21:2022/PVCFC

Ban hành theo QĐ số: /QĐ-PVCFC ngày tháng năm 2022)

1. Mẫu bao bì sản phẩm

